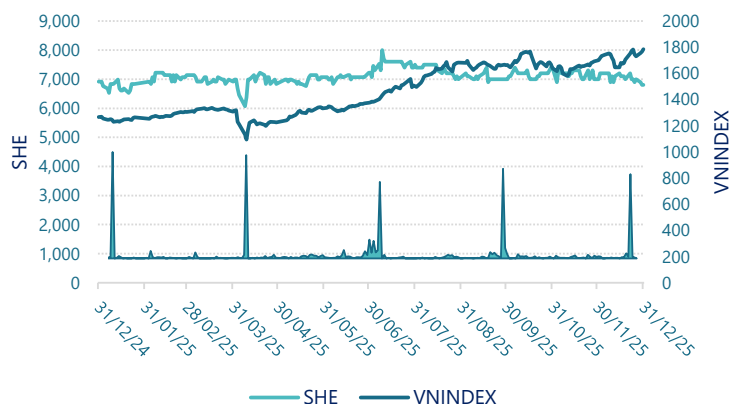


CTCP Phát triển Năng lượng Sơn Hà (HNX: SHE)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,071
SL cổ phiếu LH	14,953,156
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,320
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	102
P/E	7.6
EPS	898

DT thuần

Q4/25

102

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.5 | 38.6%

YoY: ▲ 31.5 | 44.5%

LN sau thuế

Q4/25

3.56

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.93 | -20.8%

YoY: ▼ 1.67 | -32.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.9%

+/- YoY: ▼ 4.1%

DT thuần

2025

373

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 177 | 89.8%

LN sau thuế

2025

13.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.20 | 9.7%

ROE

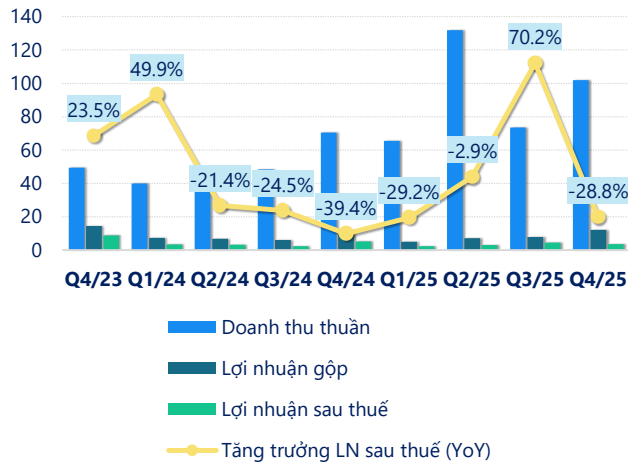
2025

8.5%

+/- YoY: ▲ 0.1%

tỷ VNĐ

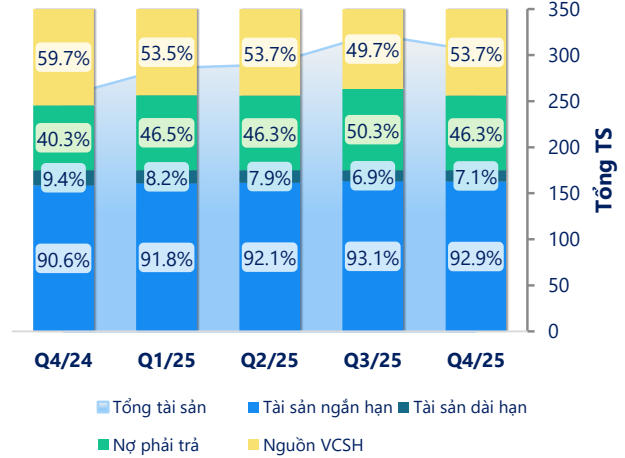
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

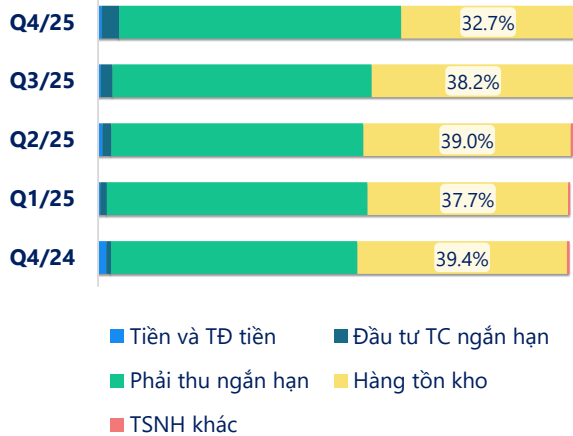
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



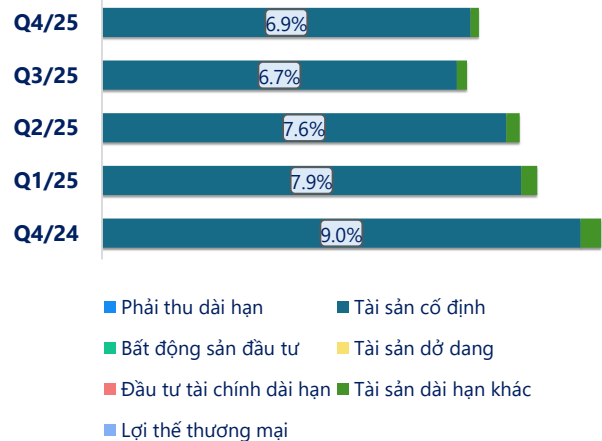
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

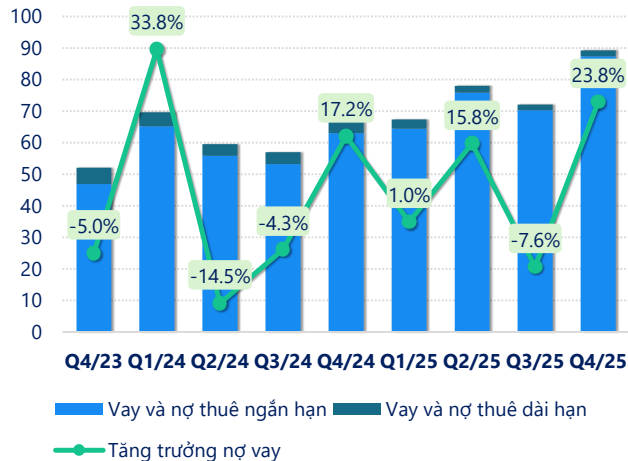
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

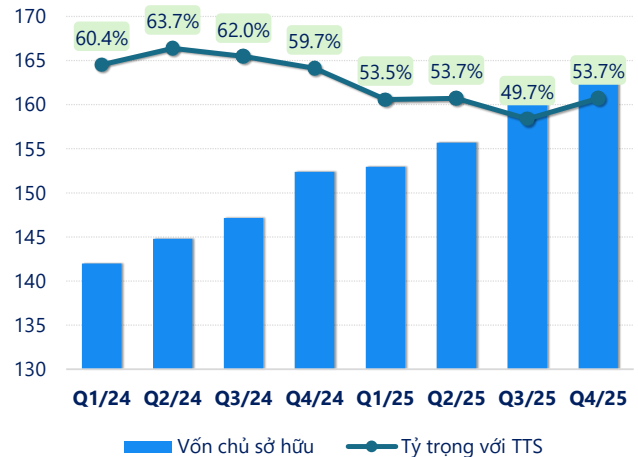
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

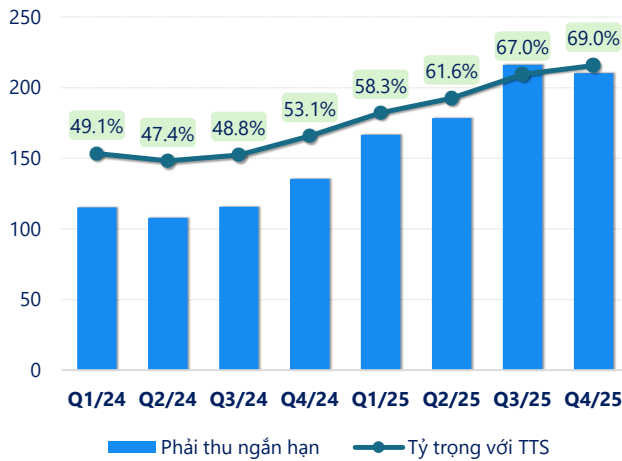
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



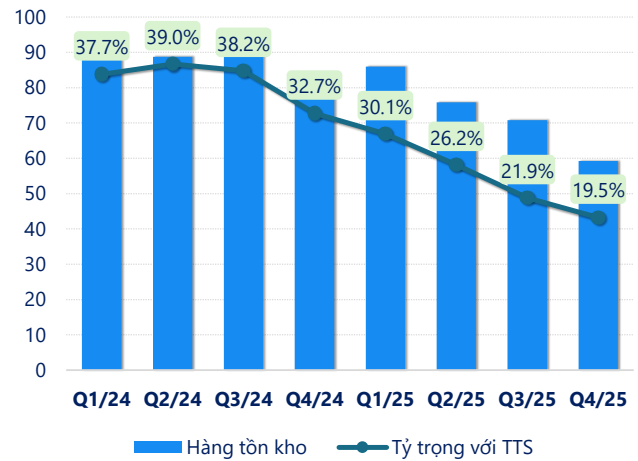
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


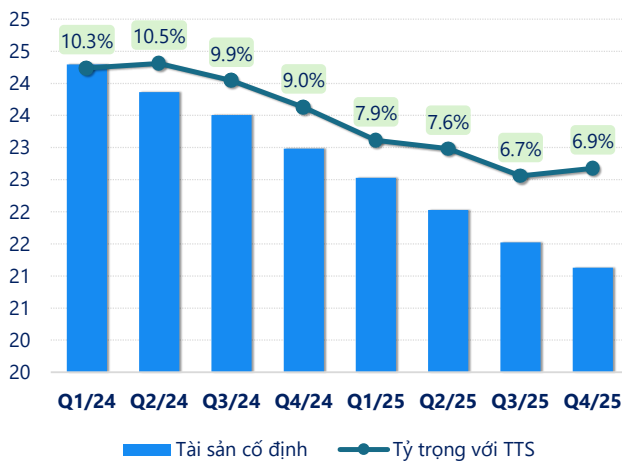
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


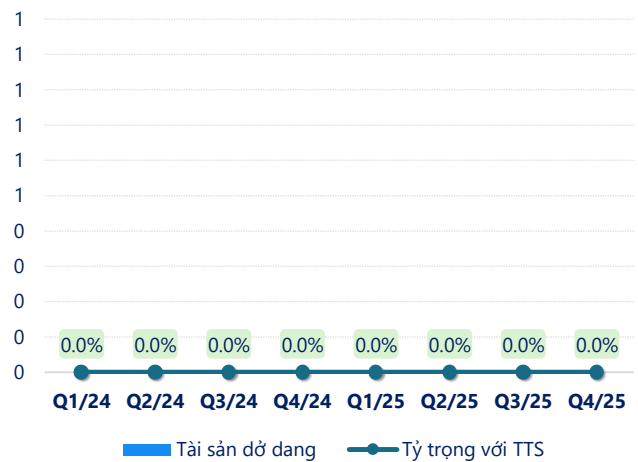
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

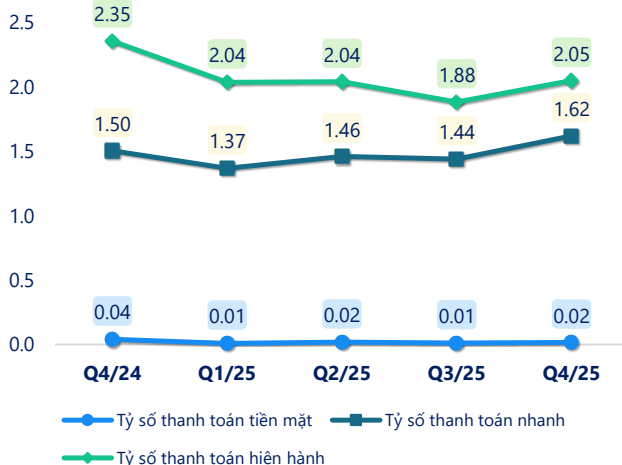
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

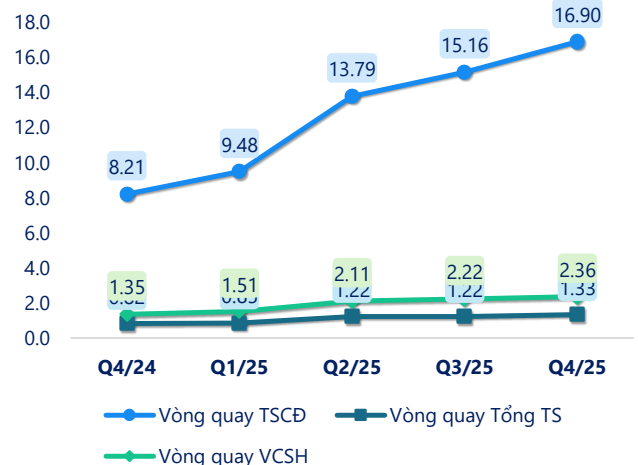
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	255	286	290	323	305
Tài sản ngắn hạn	231	262	267	300	283
Tiền và tương đương tiền	3.96	1.11	2.28	1.76	2.20
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.18	8.18	10.2	11.0	11.2
Phải thu ngắn hạn	135	167	178	216	210
Hàng tồn kho	83.5	86.0	75.8	70.8	59.3
Tài sản ngắn hạn khác	0.16	0.37	0.16	0.74	0.15
Tài sản dài hạn	24.0	23.4	22.8	22.1	21.6
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	23.0	22.5	22.0	21.5	21.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.98	0.86	0.73	0.62	0.48
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	103	133	134	162	141
Nợ ngắn hạn	98.2	129	131	160	138
Vay và nợ thuê ngắn hạn	63.0	64.4	75.8	70.2	87.4
Phải trả người bán ngắn hạn	27.2	59.8	48.9	81.3	43.6
Nợ dài hạn	4.60	3.86	3.12	2.75	2.75
Vay và nợ thuê dài hạn	3.69	2.95	2.21	1.84	1.84
Nguồn vốn chủ sở hữu	152	153	156	160	164
Vốn chủ sở hữu	152	153	156	160	164
Vốn điều lệ	115	115	115	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)